

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày 15-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Thọ.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Đinh Tuấn Anh.
 2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Tú Q, sinh năm 1996 tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số D ngõ N, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Nguyễn Văn T (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:**
 1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
 2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**
 1. Anh Lã Văn Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
 2. Anh Nguyễn Hồng H1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Tú Q là bạn gái của anh Nguyễn Hồng H1, sinh năm 1995, trú tại: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Khoảng đầu năm 2023, Q biết đất ở của gia đình anh H1 tại thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ). Q vào mạng xã hội Zalo, liên hệ với tài khoản Zalo: “Nguyễn Văn Thọ” để đặt làm sổ đỏ cho đất nhà anh H1. Sau khi được Q cung cấp thông tin về đất nhà anh H1, tài khoản Zalo: “Nguyễn Văn Thọ” thông báo chi phí làm sổ đỏ hết khoảng 8.000.000 đồng, Q hỏi sổ đỏ này như thế nào thì tài khoản Zalo: “Nguyễn Văn Thọ” nói sổ đỏ dạng này chỉ là hình thức cho các cụ già xem chứ không có giá trị pháp lý (sổ đỏ giả). Do bản thân Q xác định tiến tới hôn nhân với anh H1 nên Q đã tự đặt làm sổ đỏ giả và thống nhất với tài khoản Zalo: “Nguyễn Văn Thọ” về chi phí là 2.800.000 đồng khi nào nhận sổ thì giao tiền. Sau đó, Q nói dối anh H1 là có chú tên Thọ nhà ở thành phố Phủ Lý làm bên nhà đất nhận giúp gia đình làm sổ đỏ chi phí hết khoảng 11.000.000 đồng, số tiền này Q sẽ tự chi trả, anh H1 tưởng thật nên đồng ý.

Khoảng đầu tháng 3/2023, tài khoản Zalo: “Nguyễn Văn Thọ” gửi cho Q hình ảnh sổ đỏ của nhà anh H1, Q đã cho anh H1 xem để xác nhận thông tin và đồng thời để anh H1 tin tưởng bản thân đang làm sổ đỏ, Q nói với anh H1: “Chú bảo gửi cho chú một bản đồ vệ tinh ghi tên các hộ dân ở thôn D”, anh H1 đồng ý và bảo bạn là anh Lã Văn Đ, sinh năm 1995 ở cùng thôn đến giúp làm bản đồ. Quá trình nói chuyện, anh Đ biết việc Q đang nhờ người giúp làm sổ đỏ cho gia đình anh H1 nên đặt vấn đề nhờ Q giúp làm sổ đỏ cho gia đình mình. Do cần tiền tiêu xài, Q nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của gia đình anh Đ, Q bảo anh H1 báo cho gia đình anh Đ chi phí làm sổ đỏ hết 85.000.000 đồng. Ngày 31/3/2023, anh Đ và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971 đến nhà anh H1, gặp H1 và Q, anh Đ trực tiếp giao cho anh H1 số tiền 30.000.000 đồng tiền đặt cọc làm sổ đỏ. Khoảng giữa tháng 4/2023, Q nói với anh H1: “Chú Thọ bảo gửi hình ảnh CCCD của bố mẹ anh Đ để chú xác minh thông tin”. Sau khi nhận được hình ảnh CCCD của bố mẹ anh Đ là (ông Lã Văn T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971), Q liên hệ với tài khoản Zalo “Nguyễn Văn Thọ” đặt làm sổ đỏ giả cho gia đình anh Đ. Khoảng cuối tháng 4/2023, Q nhận được qua Zalo hình ảnh sổ đỏ giả của gia đình anh Đ nên đã gửi hình ảnh này cho anh H1 rồi bảo anh H1 gửi cho anh Đ và nói: “Bố nhà T, Th chuẩn bị nốt tiền, giữ lại 10.000.000 đồng khi nào lấy sổ về thanh toán nốt”. Sau khi anh Đ nhận được hình ảnh sổ đỏ của gia đình do anh H1 gửi qua Zalo, ngày 15/5/2023 anh Đ cùng bà Th đến gặp Q và anh H1 đồng thời giao cho anh H1

số tiền 45.000.000 đồng (30.000.000 đồng là tiền mặt và 15.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của anh H1). Sau khi nhận tiền, Q hẹn tháng 6/2023 gia đình anh Đ sẽ lấy được sổ đỏ.

Cũng trong khoảng thời gian đầu tháng 5/2023, anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995 là em họ của anh H1 cùng ở thôn biết Q làm được sổ đỏ đã đến nhờ H1 gặp Q giúp làm sổ đỏ cho gia đình mình, Q đồng ý và bảo chi phí làm sổ đỏ hết 60.000.000 đồng, chuyển trước 50.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào có sổ thì chuyển nốt.

Đến đầu tháng 6/2023, Q ra khu vực Bưu Điện tỉnh Hà Nam nhận qua xe khách (Q không nhớ người gửi, biển số, hãng xe) 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) giả, số CX 735809 mang tên chủ sở hữu: Nguyễn Thanh L (bố anh H1). Sau khi nhận sổ đỏ Q đem về nhà cất. Khoảng giữa tháng 6/2023, Q nói với anh H1 đã có sổ đỏ và rủ anh H1 cùng đi đến UBND xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng để lấy sổ về. Khi đến UBND xã L, Q bảo anh H1 đi mua phong bì để cảm ơn, khi anh H1 quay lại thì Q lấy sổ đỏ giả ra và đưa cho anh H1 (mục đích Q lừa anh H1 là sổ đỏ được làm qua chính quyền xã). Khi về nhà, anh H1 đưa sổ đỏ giả cho bố để là ông Nguyễn Thanh L xem, thấy không ghi ngày, tháng cấp sổ, ông L hỏi thì Q nói dối, khi nào lấy hóa đơn thì sẽ ghi ngày, tháng. Sau đó, Q chụp hình ảnh sổ đỏ giả của nhà anh H1 gửi qua ứng dụng Messenger cho anh H và anh Đ mục đích để anh H và anh Đ tin tưởng việc Q làm được sổ đỏ. Sau khi thấy hình ảnh sổ đỏ giả của nhà anh H1, anh H tin tưởng Q làm được sổ đỏ, nên trong khoảng thời gian từ ngày 08/6/2023 đến ngày 12/6/2023 anh H đã chuyển cho Q số tiền 50.000.000 đồng (gồm: 5.000.000 đồng là tiền mặt; 5.000.000 đồng trừ vào tiền Q và anh H1 mua mặt ong của anh H trước đó và 40.000.000đ là chuyển vào tài khoản của Q). Sau khi chiếm đoạt được tổng số tiền 125.000.000 đồng (của nhà bà Th là 75.000.000 đồng và anh H là 50.000.000 đồng) Q đã sử dụng để chi tiêu cá nhân.

Đến đầu tháng 8/2023, anh H1 phát hiện ra sổ đỏ của gia đình mình là giả nên đã báo cho gia đình anh Đ và anh H biết. Sau đó anh Lã Văn Đ, bà Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn H đã trình báo sự việc nên Cơ quan Công an huyện Kim Bảng.

Vật chứng thu giữ, tạm giữ gồm:

+ Tạm giữ của anh Nguyễn Hồng H1: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CX735809, chủ sở hữu: Nguyễn Thanh L, địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX, số Imei 35729209058132 (máy cũ đã qua sử dụng).

+ Tạm giữ của Hoàng Tú Q: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S và số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tại Bản Kết luận giám định số: 746/KL-KTHS ngày 18/10/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số: CX735809, chủ sở hữu: Nguyễn Thanh L, địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam là giả.

Ngày 11/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã ra Công văn số: 23/CV-CSĐT gửi Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao Công an tỉnh Hà Nam đề nghị khôi phục dữ liệu và trích xuất dữ liệu lưu trữ trên tài khoản Zalo và điện thoại di động của Hoàng Tú Q, kết quả: Chưa phát hiện tin nhắn, các dữ liệu có liên quan đến tài khoản Zalo: “Nguyễn Văn Thọ”.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKS-KB ngày 20/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Hoàng Tú Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, d khoản 2 Điều 341; các điểm s, n khoản 1 Điều 51; (riêng điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 áp dụng đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”); Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 45.000.000 đồng và bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Văn H số tiền 20.000.000 đồng. Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A21S; trả lại cho anh Nguyễn Hồng H1 01 chiếc điện thoại di động Iphone XSMax; trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 10.000.000 đồng và trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000 đồng; tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CX735809, chủ sở hữu: Nguyễn Thanh L, địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Tú Q khai nhận toàn bộ các hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo xác định tại giai đoạn điều tra đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng

để bồi thường thêm cho bà Nguyễn Thị Th 10.000.000 đồng và bồi thường thêm cho anh Nguyễn Văn H 10.000.000 đồng, nay bị cáo nhất trí bồi thường nốt cho bà Th số tiền 45.000.000 đồng và bồi thường nốt cho anh H số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời nhận tội của bị cáo Hoàng Tú Q tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập.

Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023, tại thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam, bị cáo Hoàng Tú Q sau khi đã tự thuê một người có tài khoản Zalo: “Nguyễn Văn Thọ” (không xác định được danh tính) làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sổ đỏ giả), số: CX735804 mang tên chủ sở hữu: Nguyễn Thanh Lg cho gia đình anh Nguyễn Hồng H1, sinh năm 1995, trú tại: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam (ông L là bố của anh H1). Q đã lợi dụng lòng tin của gia đình anh Lã Văn Đ, sinh năm 1995 và anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995 ở cùng thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam nhờ Q làm sổ đỏ. Q đã sử dụng thông tin là đã làm được sổ đỏ cho nhà anh H1, đồng thời chụp, gửi hình ảnh sổ đỏ giả nhà anh H1 cho gia đình anh Đ và anh H xem nhằm tạo niềm tin để chiếm đoạt của gia đình bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971 (là mẹ đẻ anh Đ) số tiền 75.000.000 đồng và chiếm đoạt của gia đình anh Nguyễn Văn H số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền Q đã chiếm đoạt của gia đình bà Th và gia đình anh H là 125.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

Tính chất, mức độ các tội phạm bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, làm mất ổn định tình hình trật tự trị an tại địa phương; hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động

đúng đắn bình thường của cơ quan, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Do vậy, các hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" được quy định tại điểm b và điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mỗi lần đều trị giá từ 2.000.000 đồng trở lên, vì vậy bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng "*Phạm tội 02 lần trở lên*" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Đối với riêng tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn H mỗi gia đình 20.000.000 đồng, ngoài ra bị cáo đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 20.000.000 đồng để khắc phục thêm một phần hậu quả cho bà Th và anh H nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với cả hai tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*", quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai báo thành khẩn; thời điểm phạm tội bị cáo đang có thai, vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Hình phạt chính: Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần xử phạt nghiêm bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với tính chất, mức độ các tội phạm bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Đồng thời, cần tổng hợp hình phạt của hai tội để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản riêng, do đó miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là bà Nguyễn Thị Th yêu cầu bị cáo Q phải tiếp tục bồi thường số tiền 55.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Giai đoạn điều tra bị cáo đã tự nguyện giao nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng cho cơ quan điều tra để bồi thường thêm cho bà Th và anh H mỗi người 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Tú Q nhất trí bồi thường nốt toàn bộ số tiền còn lại theo yêu cầu của các bị hại, vì vậy cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp

cho bà Th số tiền 45.000.000 đồng và bồi thường tiếp cho anh H số tiền 20.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S là phương tiện bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMax là tài sản chính đáng của anh Nguyễn Hồng H1 không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho anh H1. Đối với số tiền 20.000.000 đồng bị cáo Q tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để khắc phục thêm một phần hậu quả cho các bị hại, cụ thể khắc phục cho mỗi bị hại 10.000.000 đồng, nay cần trả lại cho bà Th và anh H mỗi người 10.000.000 đồng. Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CX735809, chủ sở hữu: Nguyễn Thanh L, địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam là giấy tờ giả, là vật chứng của vụ án đã được đánh số bút lục đưa vào hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Hồng H1: Mặc dù trong khoảng thời gian từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023, anh H1 đã cùng Hoàng Tú Q nhận số tiền 75.000.000 đồng của gia đình bà Nguyễn Thị Th và số tiền 50.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn H để làm sổ đỏ cho gia đình bà Th và gia đình anh H. Tuy nhiên, bản thân anh H1 cũng bị Q lừa dối, anh H1 không biết sổ đỏ số: CX 735809 Q làm giúp gia đình mình là giả, cũng không biết việc Q nhận làm sổ đỏ cho gia đình bà Th và anh H nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, khi phát hiện ra sổ đỏ của gia đình mình là giả đã báo cho bà Th và anh H biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng không xử lý Nguyễn Hồng H1 là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với tài khoản Zalo: “Nguyễn Văn Thọ”, do không xác định được thông tin chủ tài khoản và thông tin nào khác nên không có đủ căn cứ để điều tra, xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, d khoản 2 Điều 341; các điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự. Căn cứ các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Căn cứ các điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136

Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ các điểm a, c, f, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Hoàng Tú Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Xử phạt bị cáo Hoàng Tú Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Hoàng Tú Q phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Tú Q phải bồi thường tiếp cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) và bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Văn H số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S (máy cũ đã qua sử dụng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Hồng H1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX (máy cũ đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) và trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Số tiền nêu trên theo Ủy nhiệm chi số 08 lập ngày 22/3/2024 của Kho bạc Nhà nước huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hoàng Tú Q phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.250.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành

án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Công an huyện Kim Bảng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Thọ

